

Soạn văn lớp 7:

Bài Chơi chữ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Chơi chữ là gì?

Đọc bài ca dao sau và trả lời câu hỏi:

Bà già đi chợ Cầu Đông,

Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?

Thầy bói xem quẻ nói rằng:

Lợi thì có lợi nhưng răng không còn.

a) Hãy nhận xét về nghĩa của các từ lợi trong bài ca dao này.

b) Từ lợi trong câu cuối của bài ca dao đã được sử dụng dựa vào hiện tượng gì của từ ngữ?

c) Việc sử dụng từ lợi như trên có tác dụng như thế nào?

Gợi ý: Hãy so sánh nghĩa của từ lợi trong dự định của “bà già” với từ lợi trong lời nói của thầy bói. “Bà già” dùng từ lợi với nghĩa “lợi lộc, thuận lợi”. Còn từ lợi trong câu nói của thầy bói: nếu chỉ dừng lại ở “Lợi thì có lợi” thì tương như không khác với từ lợi theo ý của “bà già”; nhưng trong sự liên kết với vế sau “nhưng răng không còn” thì từ lợi mang hàm ý khác, là từ lợi trong quan hệ với răng – những bộ phận trong khoang miệng. Hoá ra, thầy bói nhắc khéo “bà già”: bà đã già quá rồi (răng không còn) thì lấy chồng làm gì nữa! Sự bất ngờ, thú vị, dí dỏm có được là nhờ việc tráo đổi từ dựa theo hiện tượng đồng âm.

2. Các kiểu chơi chữ

Ngoài kiểu chơi chữ dựa vào hiện tượng đồng âm như trong bài ca dao trên, chúng ta còn có thể gặp những kiểu chơi chữ khác. Hãy đọc những câu sau đây và cho biết những kiểu chơi chữ khác ấy là gì?

(a)

*Sánh với Na-va “ranh tương” Pháp
Tiếng tăm nông nặc ở Đông Dương.*

(Tú Mỡ)

(b)

*Mênh mông muôn mầu một màu mưa
Mỏi mắt miên man mãi mịt mờ.*

(Tú Mỡ)

(c)

*Con cá đối bỏ trong cối đá,
Con mèo cái nằm trên mái kèo,
Trách cha mẹ nghèo, anh nữ phụ duyên em.*

(Ca dao)

(d)

*Ngọt thơm sau lớp vỏ gai,
Quả ngon lớn mãi cho ai đẹp lòng.
Mời cô mời bác ăn cùng,
Sầu riêng mà hoá vui chung trăm nhà.*

(Phạm Hồ)

Gợi ý: Các kiểu chơi chữ:

- Dựa vào hiện tượng gần âm;
- Mượn cách nói điệp âm;
- Nói lái;
- Dựa vào hiện tượng trái nghĩa, đồng nghĩa, gần nghĩa.

II. RÈN LUYỆN KĨ NĂNG

1. Bài thơ sau đây đã sử dụng phép chơi chữ như thế nào?

*Chẳng phải liu điu vẫn giống nhà,
Rắn đầu biếng học chẳng ai tha.
Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ,
Nay thét mai gầm rát cổ cha.
Ráo mép chỉ quen tuồng nói dối,
Lăn lưng cam chịu dấu roi tra.
Từ nay Trâu Lỗ chăm nghề học,
Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia.*

(Lê Quý Đôn)

Gợi ý: Chú ý các từ đồng âm và các từ gần nghĩa, cùng chỉ loài rắn: liu điu, rắn, hổ lửa, mai gầm, ráo, lăn, trâu lổ, hổ mang.

2. Những tiếng nào trong các câu dưới đây chỉ các sự vật gần gũi nhau? Tác dụng của việc sử dụng các tiếng có nghĩa gần gũi ấy là gì?

- Trời mưa đất thịt trơn như mỡ, dò đến hàng nem chả muốn ăn.
- Bà đồ Nứa, đi vống đòn tre, đến khóm trúc, thờ dài hi hóp.

Gợi ý: Chú ý các từ gần nghĩa:

- Gần nghĩa với thịt: mỡ, dò (giò), nem chả.
- Gần nghĩa với nứa: tre, trúc, hóp

3. Năm 1946, bà Hằng Phương biếu Bác Hồ một gói cam, Bác Hồ đã làm một bài thơ để cảm ơn như sau:

Cảm ơn bà biếu gói cam,

Nhận thì không đúng, từ làm sao đây?

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,

Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai?

Trong bài thơ này, Bác đã dùng lối chơi chữ như thế nào?

Gợi ý: Tra từ điển để hiểu nghĩa của cụm từ Hán Việt “khổ tận cam lai” (khổ: đắng; tận: hết; cam: ngọt; lai: đến). Bài này sử dụng kiểu chơi chữ đồng âm.